TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/KDTM-ST
Ngày: 23-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Cần

2. Ông Nguyễn Đăng Thành

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 94/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH H; địa chỉ: Số 57 đường N18, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 1, khu phố K, phường Tân P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 22/9/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH G (tên cũ Công ty TNHH G); địa chỉ: Thửa đất 223, tờ bản đồ 29, đường Nguyễn Tri P, tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2022, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn T trình bày:

Ngày 01/01/2022, Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH G (sau đây gọi tắt là Công ty M) ký hợp đồng nguyên tắc số 01012022/MP-HS về việc mua bán hàng hoá. Theo thoả thuận của hợp đồng,

Công ty H bán cho Công ty M mặt hàng là keo dán các loại, hàng hoá và giá cả sẽ tuỳ thuộc vào từng đợt giao hàng, chứng từ giao hàng sẽ gửi cùng hoá tại kho của Công ty M có xác nhận của hai bên, phương thức thanh toán là tiền mặt. Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty H đã giao hàng cho Công ty M 18 đợt, mỗi đợt giao hàng đều có phiếu giao hàng, có nhân viên của hai bên công ty ký xác nhận bên giao hàng và bên nhận hàng. Đồng thời mỗi đợt giao hàng Công ty H đều xuất hoá đơn gia trị gia tăng cho Công ty M. Tính đến ngày 30/3/2022, khi hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ thì tổng số nợ phát sinh là 442.552.000 đồng, Công ty M đã trả được số tiền 90.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 352.552.000 đồng. Sau ngày đối chiếu công nợ Công ty H còn giao cho Công ty M hai đợt hàng vào tháng 4 và tháng 5 năm 2022, với số tiền là 78.749.000 đồng. Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền hàng của tháng 4 và tháng 5 năm 2022, với số tiền là 78.749.000 đồng.

Công ty H đã nhiều lần liên hệ Công ty M để yêu cầu trả tiền hàng còn thiếu nhưng Công ty M trốn tránh, đồng thời Công ty M đã làm thủ tục để đổi tên thành Công ty TNHH G và thay đổi địa chỉ kinh doanh, nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Công ty H. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ còn lại là 352.552.000 đồng và tiền lãi do chậm trả tình từ ngày 30/3/2022 đến ngày Toà án xét xử với mức lãi suất là 0.83%/tháng tương ứng số tiền 43.209.947. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 395.791.947 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

- Đối với bị đơn Công ty TNHH G (tên cũ là Công ty TNHH G):

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để yêu cầu bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Ngày 06/4/2023, Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với việc

nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ với yêu cầu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 26/5/2023, Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên nhận được Công văn số 460 ngày 25/5/2023 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương xác định Công ty TNHH G (tên cũ là Công ty TNHH G) có địa chỉ trụ sở tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 29, đường N, tổ 4, khu phố T, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm Toà án tiến hành xác minh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý đang hoạt động. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết để triệu tập bị đơn làm việc nhưng bị đơn vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc. Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 06/6/2023 và 23/6/2023 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên toà nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền mua hàng của đợt hàng tháng 4 và tháng 5 năm 2022. Xét đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án đình chỉ đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Xét lời trình bày của nguyên đơn xác định, ngày 01/01/2022, Công ty H và Công ty M ký hợp đồng nguyên tắc số 01012022/MP-HS, theo đó Công ty H cung cấp các loại keo dán cho Công ty M, thời hạn của hợp đồng từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022. Hai bên thoả thuận số lượng và chủng loại hàng sẽ tuỳ thuộc vào từng đợt đặt hàng. Về phương thức giao hàng, sau khi nhận được yêu cầu đặt hàng, Công ty M cho nhân viên vận chuyển hàng giao tại kho cho Công ty M, việc chuyển giao hàng được nhân viên công ty của hai bên ký xác nhận trong phiếu giao hàng, kèm theo hoá đơn giá trị gia tăng được xuất cho từng đợt giao hàng. Sau quá trình mua bán hàng, Công ty H và Công ty M đã tiến hành việc đối chiếu công nợ vào ngày 30/3/2022. Tính đến ngày 30/3/2022, dư nợ phát sinh từ việc mua bán hàng hoá giữa Công ty M và Công ty H được thể hiện thông qua bảng đối chiếu công nợ là 442.552.000 đồng, Công ty M đã thanh toán được số tiền 90.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 352.552.000 đồng.

Xét lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ, bởi lẽ hợp đồng nguyên tắc số 01012022/MP-HS ngày 01/01/2022, được giao kết giữa hai công ty là hợp pháp, thể hiện ý chí tự nguyện của hai bên nên bắt buộc hai bên phải tuân thủ điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng. Phía nguyên đơn đã giao hàng cho

phía bị đơn, được thể hiện thông qua chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là phiếu giao hàng, bảng đối chiếu công nợ và các hoá đơn giá trị gia tăng. Phía bị đơn đã nhận hàng nhưng không có ý kiến phản đối về chất lượng, số lượng của hàng hoá đã giao, đã ký xác nhận nội dụng của bảng đối chiếu công nợ. Theo bảng đối chiếu công nợ ngày 30/3/2022, có xác nhận của bị đơn thể hiện có tổng cộng 14 hoá đơn Công ty H đã xuất cho Công ty M với số nợ là 442.552.000 đồng và Công ty M đã thanh toán được số tiền 90.000.000 đồng vào các ngày 07/01; 15/02 và 15/03 năm 2022 được thể hiện thông qua sao kê tài khoản Ngân hàng của nguyên đơn. Sau ngày 30/3/2022, Công ty M không thanh toán tiền nợ cho Công ty H. Từ đó có cơ sở xác định, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 352.552.000 đồng. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005 nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Xét có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc là 352.552.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu trả tiền lãi do chậm thanh toán nợ gốc: Công ty H yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0.83%/tháng. Xét thấy, tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*". Mức lãi suất như nguyên đơn yêu cầu là phù hợp quy định. Thời gian chậm thanh toán yêu cầu tính lãi từ ngày 30/3/2022 (ngày đối chiếu công nợ) cho đến ngày Toà án xét xử là ngày 23/6/2023 tương ứng với 14 tháng 23 ngày. Như đã phân tích ở phần trên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả tính từ ngày đối chiếu công nợ là có cơ sở chấp nhận. Do đó, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 43.209.947 đồng.

Xét, Công ty TNHH G đăng ký lần đầu ngày 29/6/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/6/2022 và lần thứ 3 ngày 22/12/2022, đổi tên và địa chỉ của doanh nghiệp thành Công ty TNHH G có địa chỉ tại thửa đất số 223, tờ bản đồ số 29, đường N, tổ 4, khu phố T, phường T, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương. Theo quy định tại Điều 30 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 47, 48 Nghị định số 01/2021 ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp quy định, khi thay đổi địa chỉ trụ sở chính và tên của doanh nghiệp thì quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp không thay đổi. Vì vậy, nghĩa vụ tại hợp đồng đã ký giữa Công ty M và Công ty H thì Công ty TNHH G phải tiếp tục thực hiện.

Từ những phân tích và nhận định nên trên xét có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty H, buộc Công ty TNHH G phải thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 395.761.947 đồng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 235, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại; Điều 30 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH G về yêu cầu thanh toán tiền hàng tháng 4 và tháng 5/2022 với số tiền nợ là 78.749.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với bị đơn Công ty TNHH G về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH G thanh toán cho Công ty TNHH H tổng số tiền 395.761.947 đồng (Ba trăm chín mươi năm triệu, bảy trăm sáu mươi mốt nghìn, chín trăm bốn mươi bảy đồng), bao gồm nợ gốc là 352.552.000 đồng (Ba trăm năm mươi hai triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng), tiền lãi chậm thanh toán là 43.209.947 đồng (Bốn mươi ba triệu, hai trăm lẻ chín nghìn, chín trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH phải chịu 19.788.097 đồng (Mười chín triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, không trăm chín mươi bảy đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH H số tiền 10.600.000 đồng (Mười triệu, sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền số 0006356 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Tân Uyên (nay là thành phố Tân Uyên), tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết